

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-4-2019.

“*V/v Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Hoàng Việt Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H – Sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông N - sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày có nội dung như sau:

Tôi (H) và ông N đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/3/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, tôi và ông N đã tự sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu A – Sinh ngày 13/12/2009.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông N trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông N, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/3/2008, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên bà H và ông N xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông N đã tự ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N là phù hợp cần chấp nhận.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Quá trình chung sống bà H và ông N tình cảm vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên

cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H và ông N có một con chung là cháu A – Sinh ngày 13/12/2009. Xét thấy bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu A cũng có nguyện vọng muốn ở với bà H. Do đó cần giao cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà H.

Bà H được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Giao con chung A – sinh ngày 13/12/2009 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0011605 ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã E, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Duy Dương

